| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TRẦN ĐỀ**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 25 – 11 – 2019.
"V/v tranh chấp: Hợp đồng mua bán tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Bà Nguyễn Kim Hương.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đặng Thị Ngọc Trân, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chủ hộ kinh doanh Đại lý H (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh S.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1993 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2019) (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, phường 1, thị xã V, tỉnh S.

*Bị đơn:*

1/ Ông Lưu Văn C, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

2/ Bà Lâm Thị B, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh S.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:*

Vào năm 2016, Hộ kinh doanh H do ông Trần Đại H làm chủ có thỏa thuận mua bán các loại thức ăn và thuốc thủy sản với vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B cụ thể như sau: Khi vợ chồng ông C đặt hàng thì hàng hóa sẽ được nhân viên

giao hàng chở tận nơi hoặc vợ chồng ông C đến kho nhận hàng, khi nhận đủ hàng thì vợ chồng ông C sẽ ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Cuối mỗi tháng ông H gởi bảng đối chiếu công nợ cho vợ chồng ông C kiểm tra và ký xác nhận. Thời gian thanh toán là cuối mỗi vụ nuôi tôm. Căn cứ vào thỏa thuận mua bán trên ông H đã cung cấp đầy đủ số lượng và chất lượng hàng hóa như hai bên thỏa thuận. Sau khi nhận hàng vợ chồng ông C đều ký vào sổ theo dõi và không hề có ý kiến phản đối hay khiếu nại gì về số lượng, chất lượng và chủng loại hàng hóa mà ông H đã giao. Đến thời hạn thanh toán, vợ chồng ông C không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho ông H như đã thỏa thuận. Đến ngày 09/9/2016, vợ chồng ông C đặt toa hàng cuối cùng và không còn giao dịch mua bán với ông H cho đến thời điểm hiện tại. Tại biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 07/12/2017, vợ chồng ông C thừa nhận còn nợ ông H số tiền 92.622.000đ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng). Ông H đã nhiều lần yêu cầu thanh toán dứt điểm công nợ nhưng vợ chồng ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Nay ông Trần Đại H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B phải trả số tiền nợ gốc 92.622.000đ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

- Buộc vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B phải trả phần tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc 92.622.000đ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng), thời gian tính lãi từ ngày 07/12/2017 đến khi vụ việc được giải quyết xong.

*Vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B không có lời trình bày do vắng mặt*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 32/TB-TLVA ngày 01 tháng 7 năm 2019, tống đạt hợp lệ cho bị đơn vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã lập biên bản về việc vắng mặt của bị đơn, không tiến hành hòa giải được và ông C, bà B cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

Về việc tuân thủ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ gồm nợ gốc 92.622.000đ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) và tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn ông Trần Đại H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ do mua hàng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét về hình thức và nội dung của hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Trần Đại H với vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự.

- Xét về quá trình thực hiện hợp đồng: Quá trình mua bán Hộ kinh doanh đại lý H do ông Trần Đại H làm chủ có lập sổ theo dõi giao nhận hàng và vợ chồng ông C, bà B có ký tên vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Tính đến ngày 07/12/2017, vợ chồng ông C, bà B thừa nhận còn nợ ông Hiệp với số tiền là 92.622.000đ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng).

[3] Qua những lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B có mua các loại thức ăn và thuốc thủy sản của ông Trần Đại H. Quá trình mua bán, sau khi đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông C, bà B còn nợ 92.622.000đ (Chín mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng) kể từ ngày 07/12/2017. Do bị đơn vợ chồng ông C, bà B vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất giữa hai bên. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn cố tình vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo luật định và phía bị đơn không phản đối những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn đưa ra do đó nguyên đơn không phải chứng minh những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án được quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy vợ chồng ông C, bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó ông H yêu cầu vợ chồng ông C, bà B phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ là có căn cứ. Xét thấy việc vợ chồng ông C, bà B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến sự luân phiên đồng vốn gây thiệt hại về kinh tế cho ông H. Do đó ông H yêu cầu tính lãi 10% năm trên số tiền gốc phải thanh toán kể từ ngày 07/12/2017 đến khi kết thúc vụ việc là có căn cứ chấp nhận. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: 92.622.000đ x 0,833%/tháng (10%/năm) x 23 tháng + 18 ngày (Tính đến ngày xét xử, ngày 25/11/2019) = 18.208.367đ (Mười tám triệu, hai trăm lẻ tám nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Như vậy tổng số tiền vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B phải thanh toán cho ông Trần Đại H tính đến ngày 25/11/2019 là 110.830.367đ (Một trăm mười triệu, tám trăm ba mươi nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[5] Kiểm sát viên tại phiên tòa nêu quan điểm về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 430, Điều 440, Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Buộc vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Trần Đại H tổng số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (25/11/2019) là 110.830.367đ (Một trăm mười triệu, tám trăm ba mươi nghìn, ba trăm sáu mươi bảy đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần Đại H cho đến khi thi hành án xong mà vợ chồng ông C, bà B chậm trả tiền thì còn phải liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng ông Lưu Văn C, bà Lâm Thị B phải liên đới nộp 5.541.518đ (Năm triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, năm trăm mười tám đồng) tiền án phí.

- Ông Trần Đại H không phải chịu án phí. Ông H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.629.307đ (Hai triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005775 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Riêng bị đơn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
-Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Nguyễn Hoàng**